

**Phụ lục 1- Tổng hợp**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI**  
**Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

ĐVT: Triệu đồng

| STT  | Nguồn vốn đầu tư                                                                                                                                                   | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao |            |           | Điều chỉnh tăng (KHTH của HĐND cấp huyện giao tăng) | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh |            |           | Ghi chú                                 |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------|-----------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------|-----------|-----------------------------------------|
|      |                                                                                                                                                                    | Tổng số vốn                                    | Trong đó   |           |                                                     | Tổng số vốn                                       | Trong đó   |           |                                         |
|      |                                                                                                                                                                    |                                                | Phân bổ    | Dự phòng  |                                                     |                                                   | Phân bổ    | Dự phòng  |                                         |
| 1    | 2                                                                                                                                                                  | 3=4+5                                          | 4          | 5         | 6                                                   | 7=3+6                                             | 8          | 9         | 10                                      |
|      | TỔNG SỐ                                                                                                                                                            | 30,794,373                                     | 29,205,041 | 1,589,332 | 6,140,174                                           | 36,934,547                                        | 34,759,734 | 2,174,813 |                                         |
| I    | Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương                                                                                                                      | 30,710,413                                     | 29,121,081 | 1,589,332 | 6,140,174                                           | 36,850,587                                        | 34,675,774 | 2,174,813 |                                         |
| 1    | Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước                                                                                                                    | 12,958,430                                     | 12,004,522 | 953,908   | 0                                                   | 12,958,430                                        | 11,997,424 | 961,006   |                                         |
| 1.1  | Phân cấp các địa phương                                                                                                                                            | 3,010,955                                      | 3,010,955  |           | -1,607,357                                          | 1,403,598                                         | 1,403,598  |           |                                         |
| 1.2  | Bố trí cho các nhiệm vụ của tỉnh                                                                                                                                   | 8,993,567                                      | 8,993,567  |           | 1,600,259                                           | 10,593,826                                        | 10,593,826 |           |                                         |
| (1)  | Hoàn trả tạm ứng, ứng trước và trả nợ gốc                                                                                                                          | 192,410                                        | 192,410    |           |                                                     | 192,410                                           | 192,410    |           |                                         |
| (2)  | Đối ứng ODA (bao gồm các dự án mới phát sinh)                                                                                                                      | 279,093                                        | 279,093    |           |                                                     | 279,093                                           | 279,093    |           |                                         |
| (3)  | Bố trí quyết toán dự án hoàn thành                                                                                                                                 | 191,163                                        | 191,163    |           |                                                     | 191,163                                           | 191,163    |           |                                         |
| (4)  | Vốn đối ứng của tỉnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và một số chương trình khác                                                                      | 1,155,964                                      | 1,155,964  |           | 424,254                                             | 1,580,218                                         | 1,580,218  |           |                                         |
| (5)  | Chuẩn bị đầu tư                                                                                                                                                    | 31,489                                         | 31,489     |           |                                                     | 31,489                                            | 31,489     |           |                                         |
| (6)  | Vốn thực hiện chính sách thu hút đầu tư hoặc tham gia dự án theo phương thức đối tác công tư (nếu có)                                                              |                                                |            |           |                                                     |                                                   |            |           |                                         |
| (7)  | Thực hiện nhiệm vụ quy hoạch tỉnh và các nhiệm vụ khác                                                                                                             | 102,917                                        | 102,917    |           | -15,000                                             | 87,917                                            | 87,917     |           |                                         |
| (8)  | Đối ứng các dự án sử dụng vốn NSTW                                                                                                                                 | 1,094,598                                      | 1,094,598  |           |                                                     | 1,094,598                                         | 1,094,598  |           |                                         |
| (9)  | Bố trí chuyển tiếp các dự án từ giai đoạn 2016-2020                                                                                                                | 1,080,112                                      | 1,080,112  |           |                                                     | 1,080,112                                         | 1,080,112  |           |                                         |
| (10) | Khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025                                                                                                                                | 4,865,822                                      | 4,865,822  |           |                                                     | 4,865,822                                         | 4,865,822  |           |                                         |
| (11) | Chuyển vốn phân cấp về tỉnh                                                                                                                                        |                                                |            |           | 1,191,005                                           | 1,191,005                                         | 1,191,005  |           |                                         |
| 1.3  | Dự phòng                                                                                                                                                           | 953,908                                        |            | 953,908   | 7,098                                               | 961,006                                           |            |           |                                         |
| 2    | Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết                                                                                                                               | 1,006,100                                      | 1,006,100  |           |                                                     | 1,006,100                                         | 1,006,100  |           |                                         |
| 2.1  | Bố trí Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới (bao gồm bố trí thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX; Cấp nước sạch nông thôn; Giao thông nông thôn) | 289,700                                        | 289,700    |           |                                                     | 289,700                                           | 289,700    |           |                                         |
| 2.2  | Bố trí thực hiện các dự án lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa                                                                                                        | 716,400                                        | 716,400    |           |                                                     | 716,400                                           | 716,400    |           |                                         |
| (1)  | Chuẩn bị đầu tư                                                                                                                                                    | 2,650                                          | 2,650      |           |                                                     | 2,650                                             | 2,650      |           |                                         |
| (2)  | Bố trí chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020                                                                                                                          | 99,915                                         | 99,915     |           |                                                     | 99,915                                            | 99,915     |           |                                         |
| (3)  | Khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025                                                                                                                                | 613,835                                        | 613,835    |           |                                                     | 613,835                                           | 613,835    |           |                                         |
| 3    | Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác (*)                                                                                                 | 15,915,651                                     | 15,280,227 | 635,424   | 6,140,174                                           | 22,055,825                                        | 20,842,019 | 1,213,806 | bao gồm vốn tăng thu, tiết kiệm chi,... |
| 3.1  | Giao các địa phương thu chi                                                                                                                                        | 4,097,931                                      | 4,097,931  |           | -322,662                                            | 3,775,269                                         | 3,775,269  |           |                                         |
| 3.2  | Các nhiệm vụ, dự án tỉnh quản lý                                                                                                                                   | 11,182,297                                     | 11,182,297 |           | 5,884,453                                           | 17,066,750                                        | 17,066,750 |           |                                         |
| (1)  | Chi quản lý đất đai                                                                                                                                                | 106,820                                        | 106,820    |           |                                                     | 106,820                                           | 106,820    |           |                                         |
| (2)  | Bổ sung Quỹ phát triển đất                                                                                                                                         | 21,362                                         | 21,362     |           |                                                     | 21,362                                            | 21,362     |           |                                         |
| (3)  | Bù hụt thu ngân sách năm 2020                                                                                                                                      | 751,964                                        | 751,964    |           |                                                     | 751,964                                           | 751,964    |           |                                         |

| STT | Nguồn vốn đầu tư                                                                              | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao |            |          | Điều chỉnh tăng (KHTH của HĐND cấp huyện giao tăng) | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh |            |           | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------|----------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------|-----------|---------|
|     |                                                                                               | Tổng số vốn                                    | Trong đó   |          |                                                     | Tổng số vốn                                       | Trong đó   |           |         |
|     |                                                                                               |                                                | Phân bổ    | Dự phòng |                                                     |                                                   | Phân bổ    | Dự phòng  |         |
| (4) | Bổ trí chuẩn bị đầu tư                                                                        | 9,589                                          | 9,589      |          |                                                     | 9,589                                             | 9,589      |           |         |
| (5) | Bổ trí thực hiện dự án                                                                        | 10,292,562                                     | 10,292,562 |          | 5,884,453                                           | 16,177,015                                        | 16,177,015 |           |         |
| -   | Đổi ứng vốn NSTW                                                                              | 1,719,578                                      | 1,719,578  |          |                                                     | 1,719,578                                         | 1,719,578  |           |         |
| -   | Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020                                                      | 2,159,503                                      | 2,159,503  |          |                                                     | 2,159,503                                         | 2,159,503  |           |         |
| -   | Dự án KCM giai đoạn 2021 - 2025                                                               | 6,413,481                                      | 6,413,481  |          |                                                     | 6,413,481                                         | 6,413,481  |           |         |
| -   | Chuyển vốn phân cấp cho cấp huyện về tỉnh                                                     |                                                |            |          | 5,443,135                                           | 5,443,135                                         | 5,443,135  |           |         |
| -   | Vốn đối ứng của tỉnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và một số chương trình khác |                                                |            |          | 441,318                                             | 441,318                                           | 441,318    |           |         |
| 3.3 | Dự phòng                                                                                      | 635,424                                        |            | 635,424  | 578,382                                             | 1,213,806                                         |            | 1,213,806 |         |
| 4   | Nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước                                | 254,631                                        | 254,631    |          |                                                     | 254,631                                           | 254,631    |           |         |
| 4.1 | Khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025                                                           | 254,331                                        | 254,331    |          |                                                     | 254,331                                           | 254,331    |           |         |
| 4.2 | Vốn chuẩn bị đầu tư                                                                           | 300                                            | 300        |          |                                                     | 300                                               | 300        |           |         |
| 5   | Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương                                                  | 575,600                                        | 575,600    |          |                                                     | 575,600                                           | 575,600    |           |         |
| II  | Chi từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương                             | 34,460                                         | 34,460     |          |                                                     | 34,460                                            | 34,460     |           |         |
| 1   | Phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng trong khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y            | 34,460                                         | 34,460     |          |                                                     | 34,460                                            | 34,460     |           |         |
| III | Nguồn ngân sách địa phương (ngân sách Thành phố Hà Nội hỗ trợ)                                | 49,500                                         | 49,500     |          |                                                     | 49,500                                            | 49,500     |           |         |
|     |                                                                                               |                                                |            |          |                                                     |                                                   |            |           |         |

**Ghi chú: (\*) Đối với nguồn vốn đầu tư do cấp huyện giao tăng thêm, giao UBND tỉnh tiếp tục rà soát, điều chỉnh đồng bộ với dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 đảm bảo quy định và phù hợp với tình hình thực tế.**